TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **616**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 26/09/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**
Ông **Trần Phú Nhuận**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thúy Hằng** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 09 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**– sinh năm 1970 *(có mặt)*
Địa chỉ : 015 lô F chung cư N, Phường A, Quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**– sinh năm 1967 *(vắng mặt)*
Địa chỉ : 015 lô F chung cư N, Phường A, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:**

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T sống chung từ năm 1990, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 041, quyển số 01 ngày 16/05/1990 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông T có ba người con chung tên Nguyễn Thanh P (nam) – sinh ngày 22/07/1991; Nguyễn Thị Thanh L (nữ) – sinh ngày 08/01/1997; Nguyễn Thị Thanh T (nữ) – sinh ngày 06/01/2001.

Từ khi sống chung, bà L và ông T thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không còn khả năng hàn gắn, bà L cũng không còn tình cảm với ông T nên bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị Thanh L đã thành niên. Bà L nhận nuôi người con chung tên Nguyễn Thị Thanh T và sẽ tự thỏa thuận với ông T việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Nguyễn Thanh T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Thanh T không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông T. Ngày 17/07/2018, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hòa giải lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*** Vấn đề khác:**

Tại Công văn số 446/UBND-VP ngày 31/07/2018, Ủy ban nhân dân Phường 3 cung cấp thông tin: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T không còn tình cảm dẫn đến ly hôn.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 29/01/2018, cháu Nguyễn Thị Thanh T có ý kiến cháu sống với ai cũng được tùy cha mẹ quyết định.

*** Tại phiên tòa:**

Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung:

Ông T biết việc bà L nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và cũng đồng ý ly hôn với bà L, ông T cũng nhận được các giấy triệu tập của Tòa án nhưng không chịu đến làm việc, do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Ông Nguyễn Thanh T: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị L chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn ông Nguyễn Thanh T không thực hiện đúng các quy định tại khoản 5, 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà L được ly hôn với ông T; giao người con chung Nguyễn Thị Thanh T cho bà L nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho ông Nguyễn Thanh T nhưng ông T vắng mặt. Xét thấy việc ông T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh T chung sống từ năm 1990, có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà L thì từ khi sống chung, bà L và ông T thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà L, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị Thanh L đã thành niên. Xét việc bà L nhận nuôi người con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, xét thấy bà L có đủ khả năng nuôi con nên chấp nhận giao người con chung Nguyễn Thị Thanh T cho bà L nuôi dưỡng. Bà L sẽ tự thỏa thuận với ông T việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Thanh P (nam) – sinh ngày 22/07/1991 và Nguyễn Thị Thanh L (nữ) – sinh ngày 08/01/1997 đã thành niên.

Giao người con chung tên Nguyễn Thị Thanh T (nữ) – sinh ngày 06/01/2001 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Thị Lvà ông Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị L xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Tòa án không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0040277 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 , Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P3, Q10
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền